**Ngày soạn:** …………………… **Ngày dạy**: ………………… **Lớp 6A1**

**BUỔI 13: LUYỆN TẬP TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ NHẤT**

**CỦA TAM GIÁC (C – C – C)**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** Củng cố và khắc sâu kiến thức cho học sinh về trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác (c – c – c) qua một số dạng bài tập cơ bản và nâng cao.

**2. Kỹ năng:**

- Biết sử dụng trường hợp bằng nhau cạnh - cạnh - cạnh để chứng minh 2 tam giác bằng nhau, từ đó suy ra các góc tương ứng bằng nhau.

- Rèn luyện kĩ năng vẽ hình; kỹ năng trình bày bài toán chứng minh 2 tam giác bằng nhau.

**3. Thái độ:** Nghiêm túc, chính xác, có tinh thần hợp tác.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tính toán.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ, tự lập.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, vở nháp, ôn bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

**Tiết 1: Ôn tập lí thuyết và một số dạng bài tập cơ bản.**

***Mục tiêu***: HS ôn tập , củng cố lí thuyết cho học sinh và rèn cho học sinh kỹ năng vẽ tam giác biết độ dài ba cạnh, kỹ năng vận dụng lí thuyết vào một số bài tập dạng cơ bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Ôn lí thuyết:**  GV: Em hãy phát biểu trường hợp bằng nhau cạnh - cạnh - cạnh của hai tam giác?  GV: treo bảng phụ nhắc lại kiến thức. | • Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau. |
| **Bài 1:** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình dưới đây.  GV: hướng dẫn:  - Quan sát và dự đoán các cặp tam giác bằng nhau.  - Chỉ ra các cặp cạnh tương ứng bằng nhau của mỗi cặp để chứng minh 2 tam giác bằng nhau.  HS: trả lời  GV: nhận xét | **Bài 1:**    HD: HS chỉ ra các 3 cặp cạnh tương ứng của hai tam giác bằng nhau từ đó kết luận được  (c.c.c),  (c.c.c). |
| **Bài 2:** Cho hình vuông  như hình vẽ, tìm trong hình những tam giác nào bằng nhau.  GV: hướng dẫn:  - Quan sát và dự đoán các cặp tam giác bằng nhau.  - Chỉ ra các cặp cạnh tương ứng bằng nhau của mỗi cặp để chứng minh 2 tam giác bằng nhau.  \* Chú ý MNPQ là hình vuông.  HS: trả lời  GV: nhận xét | **Bài 2**    HD: Do là hình vuông nên :  từ đó suy ra  Kết quả: |
| **Bài 3 :** Cho ΔABC và ΔABC biết :  AB = BC = AC = 3 cm ;  AD = BD = 2cm (C và D nằm khác phía với AB)  a) Vẽ ΔABC ; ΔABD  b) Chứng minh :  GV: hướng dẫn:  - Để vẽ hình chính xác ta phải dùng thước thẳng và compa.  - Chứng minh:  ta cần chứng minh hai tam giác nào bằng nhau ?  HS: làm bài  GV: tổ chức nhận xét, đánh giá. | **Bài 3 :**  a) Vẽ hình    b) Chứng minh   |  |  | | --- | --- | | GT | ΔABC; ΔABD; AB = AC = BC = 3cm,  AD = BD = 2 cm | | KL |  |   CM:  Nối DC ta xét ΔADC và ΔBDC có:  AD = BD (gt)  CA = CB (gt)  DC cạnh chung  ⇒ ΔADC = ΔBDC (c.c.c)  ⇒  (hai góc tương ứng) |
| **Bài tập về nhà:** | |
| C:\Users\Workstation Z400\Desktop\Capture.PNGCho hình vẽ. Chứng minh:  Hướng dẫn:  - Nối A và C  - ΔABC = ΔADC (c.c.c) ⇒  (hai góc tương ứng) | |

**Tiết 2: Ôn tập một số dạng bài tập cơ bản và mở rộng.**

***Mục tiêu***: Tiếp tục rèn cho học sinh kỹ năng vẽ tam giác biết độ dài ba cạnh, kỹ năng vận dụng lí thuyết để làm một số bài tập dạng bài tập cơ bản và mở rộng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bài 1:**  a). Vẽ tam giác  có , .  b). Gọi E là trung điểm của cạnh BC ở  trong câu a). Chứng minh rằng AE là tia phân giác của góc  \* Hướng dẫn hs:  GV: Gọi một hs nêu cách vẽ  GV: Để Cm AE là tia phân giác của góc  ta cần chứng minh điều gì ?  HS: làm bài  GV: tổ chức nhận xét, đánh giá. | **Bài 1**:  a) HS tự vẽ hình (nêu cách vẽ)  b)  (c.c.c)  (hai góc tương ứng)  C:\Users\Workstation Z400\Desktop\Capture s.PNG là tia phân giác của góc .  2 |
| **Bài 2:** Cho hình vẽ  a) Chứng minh  b) Chứng minh và suy ra  .  c) Chứng minh  .  GV: Hướng dẫn:  b) Cặp góc  có vị trí như thế nào với nhau ?  c) để Cm ta cần cm cặp góc nào bằng nhau ?  HS: làm bài  GV: tổ chức nhận xét, đánh giá. | **Bài 2:**  CM:  a) Xét    b) Vì  (cặp góc tương ứng) mà hai góc này ở vị trí so le trong nên  c) Vì  (cặp góc tương ứng ) mà hai góc này ở vị trí so le trong nên |
| **Bài 3:** Cho bốn điểm A, B, C, D thuộc đường tròn (O) sao cho AB = CD. Chứng minh rằng:  a) ΔAOB = ΔCOD ;  b) \widehat{AOB}  = \widehat{COD} .  GV: hướng dẫn hs vẽ hình theo đề bài.  GV: Bốn điểm A, B, C, D thuộc đường tròn (O) thì khoảng cách từ O đến các điểm đó như thế nào ?  Từ đó ΔAOB = ΔCOD  HS: làm bài  GV: Tổ chức nhận xét, đánh giá | **Bài 3:**  Hướng dẫn:  (Hs tự ghi giả thiết, kết luận)  https://hoc360.net/wp-content/uploads/2018/05/242.jpg  a) Vì A, B, C, D thuộc đường tròn (O) nên OA = OB = OC = OD = R và AB = CD.  ΔAOB = ΔCOD (c.c.c)  b) Từ câu a) suy ra \widehat{AOB}  = \widehat{COD}  (hai góc tương ứng) |
| **Bài tập về nhà** | |
| Cho tam giác ABC có AB = AC. Gọi M là trung điểm của BC.  a) Chứng minh: .  b) Chứng minh: AM là đường trung trực của đoạn thẳng BC.  c) Chứng minh: AM là tia phân giác của góc BAC.  Hướng dẫn:  b) Cm:  c) Cm: | |

**Tiết 3: Áp dụng chứng minh tam giác bằng nhau vào chứng minh vuông góc và song song.**

**Mục tiêu**: Học sinh biết vận dụng chứng minh tam giác bằng nhau để chứng minh vuông góc,chứng minh song song.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và HS** | **Nội dung cơ bản** |
| **Bài 1:** Cho hình vẽ    Chứng minh    2. MH là trung trực của NP 3. Kẻ tia phân giác của góc ngoài góc . Chứng minh   GV: Gọi HS lên bảng viết GT,KL  ? Muốn chứng minh  ta làm thế nào?  HS:Chứng minh  GV: Gọi HS lên bảng trình bày.  HS lên bảng trình bày phần a,b.  GV: Gọi HS lên vẽ thêm hình phần c  ? Nêu cách chứng minh  ?  HS: Vẽ thêm hình.    Cần chứng minh | **Bài 1:**   |  |  | | --- | --- | | GT | Cho  có ;  Mx là tia phân giác của góc ngoài góc M | | KL | a.  b.MH là trung trực của NP.  c. |   Giải   1. Xét  và  có:     (cặp góc tương ứng)  Mà  (kề bù)    Hay  \_đpcm\_   1. Vì  tại H   Mà H là trung điểm của NP( hình vẽ)  là trung trực của đoạn NP.   1. Vì  là tia phân giác của góc ngoài góc  nên ta có   Lại có  ( 2 góc tương ứng)  Hay  Mà  (kề bù)    Hay  Lại có  (cmt)  (t/c từ vuông góc đến song song) \_đpcm\_ |
| **Bài 2:**  Cho  .Kẻ  tại H.Trên nửa mặt phẳng bờ AC không chứa điểm B.Vẽ  sao cho  .Chứng minh        GV: Gọi HS lên bảng vẽ hình viết giả thiết kết luận  HS: lên bảng thực hiện.  GV: Phân lớp thành 4 nhóm cho HS thực hiện làm bài theo nhóm (thời gian hoạt động là 7’)  HS chia nhóm thực hiện làm bài vào bảng nhóm.  GV: Thu của các nhóm.Cho HS đánh giá chéo .  HS: Đánh giá ,nhận xét.  GV: Đánh giá nhận xét chung. | **Bài 2:**     |  |  | | --- | --- | | GT | Cho  tại H | | KL |  |   Giải   1. Xét  và  có:     \_đpcm\_  Vì  (2 góc tương ứng)  Mà 2 góc này ở vị trí so le trong  \_đpcm\_  Vì  (2 góc tương ứng)  Mà 2 góc này ở vị trí so le trong  Lại có  (t/c từ vuông góc đến song song) \_đpcm\_ |
| **BTVN:**  **Bài 1**: Cho tứ giác MNPQ thỏa mãn  MN = QP;MQ = NP. Chứng minh rằng    2. MN // QP; MQ// NP. | Làm tương tự bài 2. |
| ***- Hoạt động hướng dẫn về nhà – Tìm tòi, mở rộng***  ***Mục tiêu: -*** HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. | |
| - GV yêu cầu hs về nhà làm các bài tập trong SBT  - HS lắng nghe, về nhà làm bài tập và chuẩn bị kiến thức cho tiết học sau | |